

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

A55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2009)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2009)
Ông Lêu Minh Tiến	Thành viên
Ông Đoàn Văn An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2009)
Ông Trần Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Vương Dũng Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

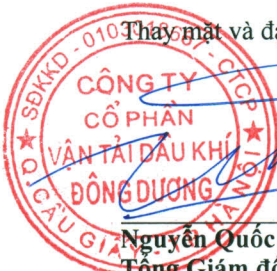
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2010



Số: 278 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá khái quát về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.289.979.558	52.898.152.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.093.820.930	6.747.808.135
1. Tiền	111		6.093.820.930	6.747.808.135
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.576.420.219	16.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.576.420.219	16.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.014.565.145	16.263.226.325
1. Phải thu khách hàng	131		32.912.344.242	15.087.417.477
2. Trả trước cho người bán	132		145.977.543	3.001.987
3. Các khoản phải thu khác	135		1.956.243.360	1.172.806.861
IV. Hàng tồn kho	140	7	6.749.801.010	1.018.577.228
1. Hàng tồn kho	141		6.749.801.010	1.018.577.228
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.855.372.254	12.568.540.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.135.964.677	236.479.270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.079.447.978	11.534.309.377
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		639.959.599	797.752.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.611.779.191	127.723.384.857
I. Tài sản cố định	220		163.598.658.587	125.562.052.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	111.822.982.672	97.419.511.321
- Nguyên giá	222		129.339.986.187	100.684.816.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.517.003.515)	(3.265.305.355)
2. Tài sản cố định vô hình	227		4.000.000	6.000.000
- Nguyên giá	228		16.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(6.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	51.771.675.915	28.136.541.612
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.000.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	12.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.013.120.604	2.161.331.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.013.120.604	2.161.331.924
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.901.758.749	180.621.537.484

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.608.490.618	87.128.134.073
I. Nợ ngắn hạn	310		131.856.617.449	82.487.926.974
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	98.724.142.220	62.825.222.220
2. Phải trả người bán	312		28.431.739.996	17.410.909.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		206.432.324	5.769.447
4. Phải trả công nhân viên	315		1.085.836.831	1.213.842.969
5. Chi phí phải trả	316		452.768.802	255.940.197
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.955.697.276	776.242.922
II. Nợ dài hạn	330		1.751.873.169	4.640.207.099
1. Phải trả dài hạn khác	333		74.980.000	2.138.091.710
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	1.676.893.169	2.502.115.389
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.293.268.131	93.493.403.411
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	100.293.268.131	93.493.403.411
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	94.317.700.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		293.268.131	(824.296.589)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233.901.758.749	180.621.537.484



Nguyễn Quốc Phương
Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2009

Dương Thu Hường
Kế toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	219.873.573.081	108.500.824.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		219.873.573.081	108.500.824.602
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(213.254.132.445)	(107.643.678.798)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.619.440.636	857.145.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.250.214.636	5.904.414.024
7. Chi phí tài chính	22		(2.414.083.364)	(1.966.947.953)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(2.414.083.364)	(1.966.947.953)
8. Chi phí bán hàng	24		(595.597.520)	(228.139.148)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.333.083.840)	(4.655.372.386)
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(473.109.452)	(88.899.659)
11. Thu nhập khác	31		1.766.265.084	192.891.897
12. Chi phí khác	32		(77.834.868)	(11.606.190)
13. Lợi nhuận khác	40		1.688.430.216	181.285.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.215.320.764	92.386.048
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	16	(97.756.044)	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		1.117.564.720	92.386.048
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	17	114	11



Nguyễn Quốc Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Dương Thu Hường

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2009		2008	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lãi trước thuế	01	1.215.320.764		92.386.048	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	14.257.698.160		3.240.509.266	
Chi phí lãi vay	06	2.414.083.364		1.966.947.953	
Lãi tiền gửi	07	(1.250.214.636)		(5.904.414.024)	
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.636.887.652		(604.570.757)	
Tăng các khoản phải thu	09	(9.296.477.421)		(27.771.960.052)	
Tăng hàng tồn kho	10	(5.731.223.782)		(1.018.577.228)	
Tăng các khoản phải trả	11	7.962.576.571		10.923.248.451	
Tăng chi phí trả trước	12	(3.751.274.087)		(1.913.951.381)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.414.083.364)		(2.173.246.490)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	157.792.693		1.074.500.000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-		(331.918.290)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.564.198.262		(21.816.475.747)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(48.947.977.664)		(112.067.688.411)	
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư dài hạn	23	(12.000.000.000)		(330.030.000.000)	
3. Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn	24	14.723.579.781		342.730.000.000	
4. Lãi tiền gửi nhận được	27	1.250.214.636		5.830.864.580	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.974.183.247)		(93.536.823.831)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Vốn góp	31	5.682.300.000		39.654.100.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.898.920.000		62.000.000.000	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(825.222.220)		(386.162.391)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.755.997.780		101.267.937.609	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(653.987.205)		(14.085.361.969)	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	6.747.808.135		20.833.170.104	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	6.093.820.930		6.747.808.135	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định không bao gồm số tiền 3.346.326.150 đồng (năm 2008 là 0 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Nguyễn Quốc Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Dương Thu Hường

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 374 người (2008: 364 người).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng thông tư mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay cũng như năm trước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tương ứng với tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	2.554.451.621	2.042.720.626
Tiền gửi ngân hàng	3.539.369.309	4.705.087.509
	6.093.820.930	6.747.808.135

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 12 tháng và mức lãi suất một năm là 9%.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Nguyên vật liệu	3.018.689.453	687.458.974
Công cụ, dụng cụ	37.527.069	-
Chi phí sản xuất dở dang	986.065.029	331.118.254
Hàng hoá	2.707.519.459	-
	6.749.801.010	1.018.577.228

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	2.364.812.931	98.026.591.852	226.073.798	67.338.095	100.684.816.676
Tăng trong năm	-	-	-	63.428.140	63.428.140
Xây dựng cơ bản hoàn thành	36.666.667	28.582.167.728	52.588.571	-	28.671.422.966
Phân loại lại	81.504.000	-	(81.504.000)	-	-
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	-	(67.338.095)	(67.338.095)
Giảm khác	(12.343.500)	-	-	-	(12.343.500)
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.470.640.098</u>	<u>126.608.759.580</u>	<u>197.158.369</u>	<u>63.428.140</u>	<u>129.339.986.187</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	45.116.371	3.186.959.919	29.604.159	3.624.906	3.265.305.355
Khấu hao trong năm	545.265.180	13.661.167.308	34.008.024	15.167.603	14.255.608.115
Giảm khác	-	-	-	(3.909.955)	(3.909.955)
Tại ngày 31/12/2009	<u>590.381.551</u>	<u>16.848.127.227</u>	<u>63.612.183</u>	<u>14.882.554</u>	<u>17.517.003.515</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.880.258.547</u>	<u>109.760.632.353</u>	<u>133.546.186</u>	<u>48.545.586</u>	<u>111.822.982.672</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>2.319.696.560</u>	<u>94.839.631.933</u>	<u>196.469.639</u>	<u>63.713.189</u>	<u>97.419.511.321</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 101.672.762. 687 đồng (năm 2008 là 75.017.762.687 đồng) làm đảm bảo cho các cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 12 và 13).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian sử dụng ước tính của phương tiện vận tải dùng cho dịch vụ taxi từ 6 năm lên 8 năm (năm 2008 là 6 năm). Việc thay đổi này đã làm chi phí khấu hao trong năm giảm 2.901.629.398 đồng, đồng thời lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng tăng một khoản tương ứng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian sử dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	28.136.541.612	5.436.268.028
Tăng	54.452.753.073	121.849.875.006
Kết chuyển sang tài sản cố định	(28.671.422.966)	(99.149.601.422)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	(2.107.527.836)	-
Kết chuyển vào chi phí	(38.667.968)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>51.771.675.915</u>	<u>28.136.541.612</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm cả một số phương tiện vận tải có giá trị là 48.587.644.260 đồng (năm 2008 là 28.108.690.607 đồng) đang được thế chấp làm đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 12).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 13 tháng và mức lãi suất một năm từ 10% đến 10,45%.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	2.161.331.924	400.062.101
Tăng	4.153.754.827	4.471.960.067
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.301.966.147)	(2.710.690.244)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>5.013.120.604</u>	<u>2.161.331.924</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	97.898.920.000	62.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	825.222.220	825.222.220
	<u>98.724.142.220</u>	<u>62.825.222.220</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 đồng để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8 và số 9) và chịu lãi suất hàng năm là 6,8%. Trong năm 2009, khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất là 3% theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn cầu với hạn mức tín dụng là 3.713.500.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất 6 tháng đầu tiên là 1,01% một tháng và điều chỉnh 6 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 2,88%. Khoản vay này có thời hạn năm năm, gốc tiền vay được hoàn trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	825.222.220	825.222.220
Trong năm thứ hai	825.222.220	825.222.220
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	851.670.949	1.676.893.169
	<u>2.502.115.389</u>	<u>3.327.337.609</u>
Trừ: Vay phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày là khoản phải trả ngắn hạn - Thuyết minh số 12)	825.222.220	825.222.220
Phải trả sau 12 tháng	<u>1.676.893.169</u>	<u>2.502.115.389</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phần được phép phát hành	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	<u>10.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>	<u>9.431.770</u>	<u>94.317.700.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	Số cổ phần	%	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	3.867.000	39%	38.670.000.000	33.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	1.000.000	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.000.000	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	1.000.000	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	1.000.000	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.000.000	10%	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

A55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2008	54.663.600.000	(916.682.637)	53.746.917.363
Vốn đã góp	39.654.100.000	-	39.654.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	92.386.048	92.386.048
Số dư tại ngày 31/12/2008	94.317.700.000	(824.296.589)	93.493.403.411
Vốn đã góp	5.682.300.000	-	5.682.300.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.117.564.720	1.117.564.720
Số dư tại ngày 31/12/2009	100.000.000.000	293.268.131	100.293.268.131

15. DOANH THU

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu bán hàng	171.736.429.560	98.749.975.507
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.137.143.521	9.750.849.095
	219.873.573.081	108.500.824.602

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.215.320.764	92.386.048
Trừ: Lỗ chuyển sang	(824.296.589)	(92.386.048)
Thu nhập chịu thuế	391.024.175	-
Thuế suất	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	97.756.044	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	1.117.564.720	92.386.048
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.117.564.720	92.386.048
Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành (cổ phiếu)	9.837.524	8.641.031
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	114	11



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>702.171.919</u>	<u>681.409.234</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	702.171.919	681.409.234
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>1.514.696.000</u>	<u>1.962.818.468</u>
	<u>2.216.867.919</u>	<u>2.644.227.702</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng của Công ty. Các hợp đồng thuê được ký với các giai đoạn từ ngày 11 tháng 8 năm 2007 đến ngày 3 tháng 12 năm 2014.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Nhận vốn góp		
Ông Nguyễn Quốc Phương (Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc)	12.300.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	4.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	-	4.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	4.000.000.000
Tổng Công ty Vận tải Dầu khí	<u>5.670.000.000</u>	<u>22.500.000.000</u>
Cung cấp dịch vụ vận tải và lãi tiền gửi		
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội	115.948.782	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	22.463.988	6.049.444
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	<u>-</u>	<u>1.850.100</u>
Mua hàng		
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội	<u>1.179.653.600</u>	<u>48.815.914.795</u>
Lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.070.205.155	1.354.493.581
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	<u>383.931.353</u>	<u>612.454.372</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>652.203.780</u>	<u>525.353.480</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGA55, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	-	6.049.444
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>22.463.988</u>	<u>820.050</u>
Phải trả		
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội	<u>43.679.413</u>	<u>366.799.845</u>
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	2.502.115.389	3.327.337.609
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>97.898.920.000</u>	<u>62.000.000.000</u>